

Số: 02/2022/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ tám (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 5 năm 2022./.

Nơi nhận: *TC*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ, VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Ủy ban Dân tộc);
- TT Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT. *MTA*

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

*(Kèm theo Nghị quyết số **02**/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (*sau đây gọi tắt là Chương trình*); là căn cứ để lập kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị, xã hội cấp tỉnh; các huyện, thành phố; các xã, thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh và các đơn vị có quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021-2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng mức đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giao kế hoạch.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025, các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu, các xã, huyện được Trung ương lựa chọn làm điểm; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

4. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được giải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối (*hệ thống cầu, đường giao thông*) cho các xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn.

5. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

6. Nguồn vốn ngân sách nhà nước phân bổ hằng năm cho các địa phương thực hiện chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ kế hoạch vốn hằng năm cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của chương trình đảm bảo tiến độ giải ngân.

7. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, dễ thực hiện góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm

1. Tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm để thực hiện Chương trình phân bổ cho các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn về nội dung này.

2. Việc lập, xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hằng năm của các sở, ban, ngành và các cấp tại địa phương được thực hiện cùng với thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách hằng năm. Trình tự lập, xây dựng kế hoạch, dự toán và phân

bổ ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Nguồn vốn phân bổ hằng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước chuyển sang năm sau; ưu tiên các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố giải ngân nhanh để sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách nhà nước

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách nhà nước (*vốn đầu tư và vốn sự nghiệp*) phân bổ cho các sở, ban, ngành và các địa phương được quy định chi tiết tại Chương II của Nghị quyết này.

Tổng số vốn phân bổ cho các huyện, thành phố thứ k (T_k) được tổng hợp từ vốn phân bổ các dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của địa phương đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i _____

($i = 1, n$)

- k là địa phương thứ k _____

($k = 1, 8$)

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của huyện, thành phố (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \times X_{k,i}$$

Trong đó:

- $V_{k,i}$: Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho huyện, thành phố thứ k .

- $X_{k,i}$: Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i cho huyện, thành phố thứ k .

- Q_i : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i .

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

- G_i : Vốn ngân sách nhà nước để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i .

Điều 6. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng và nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng: Hằng năm, ngân sách địa phương (*nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh*) bố trí đối ứng tối thiểu bằng 05% tổng ngân sách trung

ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Về cơ cấu nguồn vốn đối ứng, cơ chế tài chính đối với từng dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn:

Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình thực hiện theo những quy định tại Chương II của Quy định này; trong đó ưu tiên thực hiện đối ứng các dự án, tiểu dự án theo tỷ lệ quy định của các Bộ, ngành Trung ương.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 1 - Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí cho các địa phương đối với nội dung 1, nội dung 2 và nội dung 3 như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 01 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	$0,4 \times a$
2	Cứ 01 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	$0,4 \times b$
3	Cứ 01 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	$0,225 \times c$
	Tổng cộng:			$X_{k,i}$

Số lượng (a , b , c) căn cứ số liệu rà soát nhu cầu thực tế tại các huyện, thành phố và số liệu Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp.

b) Nội dung 4, Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Phân bổ vốn theo danh mục đầu tư xây dựng công trình cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	$0,1 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	$0,03 \times b$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

Số lượng (a , b) căn cứ số liệu rà soát nhu cầu thực tế tại các huyện, thành phố và số liệu Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp.

Điều 8. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 2 - Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

1. Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ vốn theo danh mục công trình cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn theo danh mục công trình cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt và giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

Điều 9. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 3 - Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

1. Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không

b) Phân bổ vốn sự nghiệp: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí cho các địa phương như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	0,004	a	$0,004 \times a$
2	Mỗi ha được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	0,004	b	$0,004 \times b$
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	0,016	c	$0,016 \times c$
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ	0,1	d	$0,1 \times d$
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	0,3	đ	$0,3 \times đ$
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	0,12	e	$0,12 \times e$
Tổng cộng điểm:				$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ nhu cầu thực tế tại các huyện, thành phố và số liệu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

2. Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ vốn theo danh mục đầu tư xây dựng công trình cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tối đa 19% tổng số vốn của tiểu dự án để hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân bổ cho các địa phương thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: Thực hiện phân bổ vốn theo dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 4 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (ĐBKK).

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Ghi chú
I	Nội dung tiêu chí tính điểm cho địa phương				
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a	Tính điểm cho địa phương
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	90	b	90 x b	Tính điểm cho địa phương
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	15	c	15 x c	Tính điểm cho địa phương
II	Nội dung tiêu chí tính điểm cho cấp tỉnh				
4	Cứ 01 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	d	16 x d	Tính điểm cho cấp tỉnh
5	Cứ xây mới 01 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	g	44 x g	Tính điểm cho cấp tỉnh (mỗi địa phương xây mới 01 chợ)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Ghi chú
6	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 01 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	h	8 x h	Tính điểm cho cấp tỉnh
7	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 trạm y tế xã	8	k	8 x k	Tính điểm cho cấp tỉnh
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$	

b) Nhóm tiêu chí ưu tiên: Tiêu chí xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã ATK và tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	10	a	10 x a
2	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	b	0,3 x b
	Tổng cộng điểm			$B_{k,i}$

Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định số 2287/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021.

Số lượng (d, g, h, k) căn cứ nhu cầu thực tế của các huyện và số liệu các Sở, ban, ngành cấp tỉnh rà soát tổng hợp.

c) Phương pháp tính điểm như sau:

- Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí cho các huyện, thành phố như sau:

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

Trong đó: đối với địa phương $A_{k,i}$ là tổng điểm của các tiêu chí 1, 2, 3 - Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

- Các nội dung: Cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa; xây mới, cải tạo nâng cấp chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi; cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã không áp dụng tiêu chí định mức phân bổ vốn mà phân bổ vốn theo danh mục đầu tư xây dựng công trình cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

Tổng điểm của nội dung này: $A_{k,i}$ là tổng điểm của các tiêu chí 4, 5, 6, 7 - Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí cho các địa phương như sau:

a) Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	$9 \times a$
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	8	b	$8 \times b$
3	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	1,8	c	$1,8 \times c$
4	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế cải tạo	2,5	d	$2,5 \times d$
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$

b) Nhóm tiêu chí ưu tiên: Tiêu chí xã ĐBKK đồng thời là xã ATK và tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	1	a	$1 \times a$
2	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	b	$0,03 \times b$
	Tổng cộng điểm			$B_{k,i}$

Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2021.

Số lượng (d) căn cứ nhu cầu thực tế của các huyện và số liệu Sở Y tế rà soát tổng hợp.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

Điều 11. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 5 - Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Phân bổ vốn đầu tư: Theo danh mục đầu tư xây dựng công trình cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Tối đa 10% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án 1.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xóa mù chữ	0,5	a	$0,5 \times a$
2	Mỗi lớp học xóa mù chữ	10	b	$10 \times b$
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	$0,05 \times c$
4	Mỗi đơn vị (trường) mua sắm trang thiết bị	500	d	$500 \times d$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ nhu cầu thực tế của các địa phương, số liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp.

Đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, số liệu do Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, tổng hợp và tổng điểm được tính cho đơn vị cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo).

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc (vốn sự nghiệp).

- Phân bổ vốn cho Sở Nội vụ: Tối đa 16% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,204	a	$0,204 \times a$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp).

- Phân bổ cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Tối đa 2,5% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án 3.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	$0,035 \times a$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) căn cứ theo nhu cầu thực tế của các địa phương, số liệu của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp.

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp (*vốn sự nghiệp*): Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh chủ trì thực hiện.

Điều 12. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 6 - Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

1. Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ vốn theo danh mục đầu tư xây dựng công trình cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: Tối đa 20% vốn sự nghiệp của dự án 6.

- Phân bổ vốn sự nghiệp còn lại: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Ghi chú
I	Nội dung tiêu chí tính điểm cho địa phương				
1	Số nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	a	$0,6 \times a$	Tính điểm cho địa phương
2	Số hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	b	$3 \times b$	Tính điểm cho địa phương
3	Số nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần hỗ trợ trang thiết bị	0,3	c	$0,3 \times c$	Tính điểm cho địa phương
II	Nội dung tiêu chí tính điểm cho tỉnh				

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm	Ghi chú
4	Số lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (<i>mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian...</i>)	2	d	2 x d	Tính điểm cho tỉnh
5	Số đội văn nghệ truyền thống	0,5	đ	0,5 x đ	Tính điểm cho tỉnh
6	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	e	10 x 3	Tính điểm cho tỉnh
7	Số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xây dựng tủ sách cộng đồng	0,3	g	0,3 x g	Tính điểm cho tỉnh
8	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10	h	10 x h	Tính điểm cho tỉnh
9	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (<i>mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số...</i>)	3,5	i	3,5 x i	Tính điểm cho tỉnh
10	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	k	20 x k	Tính điểm cho tỉnh
11	Số di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số cần hỗ trợ chống xuống cấp	5	m	5 x m	Tính điểm cho tỉnh
	Tổng cộng điểm			Xi	

Số lượng (*a, b, c, d, e, g, h, i, k, l, m*) căn cứ theo nhu cầu thực tế của các địa phương, số liệu của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tổng hợp.

- Phương pháp tính điểm như sau:

+ Phân bổ cho các địa phương thực hiện các nội dung theo điểm đối với các tiêu chí 1, 2, 3.

+ Phân bổ cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch thực hiện các nội dung theo điểm đối với các tiêu chí 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11.

Điều 13. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

1. Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ vốn theo danh mục đầu tư xây dựng công trình cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho Sở Y tế: Tối đa 10% vốn sự nghiệp của dự án 7.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Xã khu vực I, II, III (a, b, c) được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 14. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 8 - Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (vốn sự nghiệp)

- Phân bổ cho Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh: Tối đa 12% vốn sự nghiệp của dự án 8.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III)	2	b	2 x b
	Tổng cộng			X_{k,i}

Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 15. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 9 - Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*vốn sự nghiệp*)

- Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh: Tối đa 20% vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống	5	a	5 x a
2	Mỗi khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 x đ
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (*a*) của các huyện là số liệu thực tế do các địa phương báo cáo và Ban Dân tộc tổng hợp.

Xã khu vực I, II, III (*a, b, c, d, đ*) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (*nếu có*).

Số mô hình thực hiện (*đ*) là 20% của tổng số xã khu vực III, II được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (*nếu có*).

Điều 16. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 10 - Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (*vốn sự nghiệp*).

- Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh: Tối đa 50% vốn sự nghiệp của tiểu dự án 1.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng			X_{k,i}

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (*nếu có*).

2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ cho Ban Dân tộc: Tối đa 15% vốn đầu tư của tiểu dự án 2.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh: Tối đa 67% vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2, trong đó: Ban Dân tộc tối đa 50%; Sở Thông tin và Truyền thông tối đa 17%.

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (Vốn sự nghiệp)

- Phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh tối đa 55% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 3 (Ban Dân tộc tối đa 23,5%, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tối đa 2,5%, Sở Giáo dục và Đào tạo tối đa 01%, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tối đa 01%, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tối đa 01%, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tối đa 01%, Sở Y tế tối đa 01%, Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh tối đa 01%, Sở Tài chính tối đa 01%, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tối đa 10%, Sở Kế hoạch và Đầu tư tối đa 01%, Sở Giao thông vận tải tối đa 01%, Sở Công Thương tối đa 01%, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh tối đa 01%, Ngân hàng chính sách xã

hội tỉnh tối đa 01%, Sở Nội vụ tối đa 01%, Công an tỉnh tối đa 01%, Ban Dân vận Tỉnh ủy tối đa 01%, Sở Tư pháp tối đa 01%, Sở Thông tin và Truyền thông tối đa 01%, Liên minh Hợp tác xã tối đa 01%, Hội Nông dân tối đa 01%).

- Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng			X_{k,i}

Xã khu vực I, II, III (b, c, d) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 17. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện nguyên tắc, tiêu chí và định mức nêu trên.

1. Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch phân bổ vốn nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh theo quy định hiện hành.

2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức của Nghị quyết này. Phương án phân bổ kế hoạch vốn hằng năm căn cứ theo nhu cầu thực tế của tỉnh và số kế hoạch vốn giao của Trung ương, đảm bảo tổng kế hoạch vốn các năm của các đơn vị, địa phương bằng số kế hoạch vốn trung hạn theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển và sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thuộc Chương trình./.